

**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGHỀ CÔNG NGHỆ ÔTÔ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đủ số lượng phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành kèm theo thiết bị, dụng cụ đào tạo, cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 02 phòng (tổng diện tích: 140 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 11 phòng, xưởng (tổng diện tích: 1.575m²).
- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 1 phòng, cơ sở (tổng diện tích: 225m²).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Nhà trường bố trí đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề công nghệ, kỹ thuật kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Phòng thực hành cơ bản				
2.1 Phòng kỹ thuật cơ sở					
1	Máy vi tính	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
2	Máy chiếu	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
3	Máy in	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
4	Mô hình mối ghép ren – then - then hoa	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
5	Mô hình các trục, ổ trục và khớp nối	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
6	Mô hình các cơ cấu truyền chuyển động quay	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
7	Mô hình cơ cấu biến đổi chuyển động	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Cơ cấu tay quay - con trượt	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thanh răng - bánh răng	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Trục vít - bánh vít	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Các cơ cấu	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
8	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thước cặp	Chiếc	03	10	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Pan me đo ngoài	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Pan me đo trong	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Đồng hồ so	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Dưỡng ren	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thước đo góc vạn năng	Chiếc	03	12	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Căn mẫu	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thước lá	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Com pa vanh	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Com pa đo trong	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Com pa đo ngoài	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Bộ mẫu so độ nhám	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Ca líp trực	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Ca líp lỗ	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thước đo chiều sâu	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Thước vạch dấu	Chiếc	03	09	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
9	Vật thể mẫu	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
10	Bộ mẫu nhiên liệu, vật liệu khai thác và bôi trơn	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Xăng	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
	Dầu Điezen	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
	Dầu Điezensinh học	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
	Dầu bôi trơn động cơ	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
	Dầu cầu	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
	Dầu phanh	Lít	01	01	Vật tư mua khi học
11	Bộ mẫu vật liệu	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Vật liệu kim loại	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
	Vật liệu phi kim loại	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng kỹ thuật cơ sở năm 2024
2.2. Phòng thực hành máy vi tính					

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	19	19	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024
2	Máy chiếu	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024
3	Hệ thống mạng lan	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024
4	Tủ đựng tài liệu	Bộ	02	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024
5	Máy in	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024
6	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18	18	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành máy vi tính năm 2024

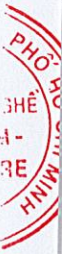
2.3. Phòng ngoại ngữ

1	Bàn điều khiển	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
6	Máy vi tính	Bộ	19	19	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
7	Tai nghe	Bộ	19	19	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
8	Máy scanner	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng ngoại ngữ năm 2024
2.4. Phòng thực hành điện cơ bản					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
3	Bộ khí cụ điện	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
4	Công tắc 2 cực	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
5	Công tắc 3 cực	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
6	Công tắc 4 cực	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
7	Công tắc 6 cực	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
8	Công tắc xoay	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
9	Cầu dao 2 cực	Chiếc	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
10	Cầu dao 1 đảo chiều	Chiếc	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
11	Cầu dao 3 pha	Chiếc	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
12	Nút nhấn	Chiếc	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
13	Khóa điện	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
14	Nút cắt khẩn cấp	Chiếc	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
15	Công tắc tơ	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
16	Role nhiệt	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
17	Role điện áp	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
18	Role dòng	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
19	Role trung gian	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
20	Role thời gian	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
21	Áp tô mát 1 pha	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
22	Áp tô mát 3 pha	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
23	Mạch điện xoay chiều	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
24	Mô đun nguồn cung cấp	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
25	Mô đun tải thuần trở, thuần cảm, thuần dung, mạch xoay chiều R-L-C nối tiếp, mạch R//L, R//C, L//C	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
26	Bộ thí nghiệm mạch điện một chiều	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
27	Thiết bị đo điện trở (Dùng cầu cân bằng Kelvin hoặc đồng hồ đo Ôm chỉ thị số)	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
28	Bộ dụng cụ đo điện	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
39	Đồng hồ $\cos\varphi$	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
30	Ampemet AC	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024



TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
31	Vonmet AC	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
32	Ampemet DC	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành điện cơ bản năm 2024
2.5. Phòng thực hành hàn cơ bản					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
3	Máy mài 2 đá	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
4	Máy hàn hồ quang xoay chiều	Chiếc	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
5	Máy hàn hồ quang tay 1 chiều	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
6	Dụng cụ cầm tay nghề hàn	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
7	Bảo hộ lao động nghề hàn	Bộ	06	06	Vật tư mua khi học
8	Kính bảo hộ	Chiếc	01	01	Vật tư mua khi học
9	Giày da	Đôi	01	01	Vật tư mua khi học
10	Găng tay	Đôi	01	01	Vật tư mua khi học
11	Mũ	Chiếc	01	01	Vật tư mua khi học
12	Quần áo bảo hộ	Bộ	01	01	Vật tư mua khi học
13	Bàn hàn đa năng	chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
14	Đồ gá hàn	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
15	Ca bin hàn	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
16	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
17	Máy mài cầm tay	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
18	Các sản phẩm mẫu gia công hàn	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
19	Chổi quét phoi	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
20	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
21	Giá đỡ phôi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
22	Thùng chứa phoi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
23	Bàn nguội có ê tô	Chiếc	18	18	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
24	Khay đựng chi tiết	Bộ	12	20	Biên bản kiểm kê xưởng hàn cơ bản năm 2024
2.6. Phòng học thực hành nguội, gò cơ bản					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
3	Máy khoan	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
4	Máy mài 2 đá	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
5	Máy mài cầm tay	Chiếc	02	04	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
6	Các sản phẩm mẫu gia công nguội	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
7	Các sản phẩm mẫu gia công gò	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
8	Máy cắt kim loại	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
9	Bàn mấp	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
10	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
11	Thước cặp	Chiếc	03	04	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
12	Thước lá	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
13	Dưỡng ren	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
14	Thước đo cao	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
15	Êke 90°, êke 120°	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
16	Compa vạch dấu	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
17	Đài vạch	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
18	Căn lá	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
19	Đục bằng	Chiếc	18	18	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
20	Đục nhọn các loại	Chiếc	36	36	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
21	Mũi khoan các loại	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
22	Bầu cặp mũi khoan	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
23	Áo côn	Chiếc	04	04	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
24	Bàn ren + tarô các loại	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
25	Dũa các loại	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng nguội năm 2024
26	Khối V	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
27	Khối D	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
28	Búa nguội	Chiếc	18	18	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
29	Mũi đột	Chiếc	18	18	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
30	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
31	Giá để phôi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
32	Thùng chứa phoi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
33	Đe thuyền	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
34	Bàn nguội có ê tô	Chiếc	18	20	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
35	Khay đựng chi tiết	Bộ	12	20	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
36	Giá chữ V	Bộ	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng đo lường năm 2024
III	Phòng thực hành chuyên môn nghề				
	3.1. Phòng thực hành động cơ ô tô				
1	Máy vi tính	Bộ	19	20	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
3	Động cơ ô tô	Chiếc	04	04	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
4	Động cơ ô tô	Chiếc	05	05	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
5	Mô hình cắt bỏ động cơ xăng 4 kỳ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
6	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
7	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
8	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
9	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
10	Máy mài xu páp	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
11	Thiết bị đo ỏ đặt xupap và ống dẫn hướng xupáp	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
12	Mô hình hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
13	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
14	Hệ thống khí nén	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Máy nén khí	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt	Bộ	04	04	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Súng xịt khí	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
15	Động cơ diesel dùng bơm cao áp điều khiển điện tử	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
16	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
17	Bàn máp	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
18	Cầu móc động cơ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
19	Máy kéo nắn và kiểm tra tay biên	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
20	Máy rửa nước áp lực cao	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
21	Bộ dụng cụ đo	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Căn lá	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Thước cặp 1/10	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Thước cặp 1/20	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Thước cặp 1/50	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Thước cặp điện tử	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (50÷75)mm	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (75÷100)mm	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Pan me đo trong	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Dưỡng ren	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Com pa đo trong	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Com pa đo ngoài	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Đồng hồ so đo lỗ	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Đồng hồ so đo trục	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Thước kiểm phẳng	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
22	Tủ dụng cụ tháo lắp	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
23	Bộ dụng cụ ta rô ren trong	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Ta rô	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Bàn ren	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
24	Bộ dụng cụ ta rô ren ngoài	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Ta rô	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Bàn ren	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
25	Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Trục vam	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
	Đế vam	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
26	Giá treo động cơ	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
27	Khay đựng chi tiết	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
28	Xe đẩy chi tiết	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
29	Dụng cụ kiểm tra sức căng dây đai	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
30	Máy rà xupáp cầm tay	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
31	Dụng cụ đo độ chân không	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
32	Vam tháo Pu ly bơm cao áp	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
33	Vam tháo ổ bi đĩa	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
34	Clê lục	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
35	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
36	Kìm tháo đầu nối nhanh cho ống dẫn nhiên liệu	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
37	Bộ dụng cụ nhỏ bu lông	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
38	Đầu gấp nam châm	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
39	Dao cạo mặt phẳng	Chiếc	19	19	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
40	Dao cạo mặt cong	Chiếc	19	19	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
41	Đèn pin	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
42	Giá chữ V	Chiếc	12	12	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
43	Giá đỡ cụm piston thanh truyền chuyên dụng	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
44	Kìm tháo xéc măng	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
45	Máy ép thủy lực	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
46	Pa lăng	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
47	Súng vận bu - lông, ê-cu vận hành bằng khí nén	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
48	Thiết bị soi	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024
49	Vòng ép xéc măng	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng thực hành động cơ ô tô 1 năm 2024

3.2. Phòng học nhiên liệu

1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
3	Mô hình cắt bỏ động cơ xăng 4 kỳ	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
4	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
5	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
6	Mô hình hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
7	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
8	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
9	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel điều khiển điện tử	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
10	Các cụm tháo rời của hệ thống bôi trơn	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
11	Các cụm tháo rời của hệ thống làm mát	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
12	Các bộ phận tháo rời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ xăng dùng chế hòa khí	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
13	Thiết bị kiểm tra áp suất bơm xăng	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
14	Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
15	Giá chuyên dùng treo bơm cao áp	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
16	Bộ đồng hồ đo áp suất của bơm cấp	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đồng hồ	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đầu nối chữ T	Chiếc	02	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đầu nối thẳng	Chiếc	02	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
17	Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu và làm sạch động cơ Diesel	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
18	Máy cân bơm cao áp	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
19	Thiết bị kiểm tra vòi phun nhiên liệu	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
20	Máy rửa siêu âm	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
21	Đèn soi cục bộ	Chiếc	06	07	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
22	Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	06	07	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
23	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
24	Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
25	Hệ thống khí nén	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Máy nén khí	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt	Bộ	04	12	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Súng xịt khí	Chiếc	01	12	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
26	Giá chuyên dùng cho tháo, lắp bơm cao áp	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
27	Bộ đồng hồ đo áp suất của bơm cấp	Bộ	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đồng hồ	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đầu nối chữ T	Chiếc	02	08	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đầu nối thẳng	Chiếc	02	08	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
28	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
29	Bàn mấp	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
30	Máy rửa nước áp lực cao	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
31	Bộ dụng cụ đo	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Căn lá	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Thước cặp 1/10	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Thước cặp 1/20	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Thước cặp 1/50	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Thước cặp điện tử	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Pan me đo ngoài Loại (50÷75)mm	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (75÷100)mm	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Pan me đo trong	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Dưỡng ren	Chiếc	02	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Compa đo trong	Chiếc	02	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Compa đo ngoài	Chiếc	02	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Đồng hồ so đo lỗ	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Đồng hồ so đo trực	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Thước kiểm phẳng	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Tủ dụng cụ tháo lắp	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
33	Bộ dụng cụ ta rô ren trong	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Ta rô	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Bàn ren	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
34	Bộ dụng cụ tarô ren ngoài	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Ta rô	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
	Bàn ren	Bộ	01	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
35	Khay đựng chi tiết	Bộ	06	20	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
36	Xe đẩy chi tiết	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
37	Dụng cụ đo độ chân không	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
38	Vam tháo Pu ly bơm cao áp	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
39	Vam tháo ổ bi đĩa	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
40	Vam ép lò xo piston bơm cao áp	Chiếc	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
41	Clê lực	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
42	Kìm tháo đầu nối nhanh cho ống dẫn nhiên liệu	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
43	Bộ dụng cụ nhỏ bu lông	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
44	Đầu gấp nam châm	Chiếc	06	020	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
45	Đèn Pin	Chiếc	06	15	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
46	Giá chữ V	Chiếc	12	15	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
47	Máy ép thủy lực	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
48	Súng vận bu lông, ê cu vận hành bằng khí nén	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê Phòng học nhiên liệu năm 2024
3.3. Phòng thực hành gầm ô tô					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
3	Mô hình hệ thống truyền lực	Bộ	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
4	Hệ thống truyền lực	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
5	Xe ô tô (số tay)	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
6	Mô hình hệ thống phanh ABS	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
7	Mô hình Hệ thống phanh dầu	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
8	Hệ thống phanh dầu	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
9	Bộ ly hợp	Bộ	06	08	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
10	Hộp số cơ khí	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
11	Hộp số tự động	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
12	Bộ truyền động các đăng trên ô tô	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
13	Hệ thống phanh khí nén	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
14	Hệ thống lái cơ khí tổng hợp	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
15	Hệ thống lái trợ lực thủy lực	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
16	Hệ thống lái trợ lực điện	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
17	Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
18	Thiết bị kiểm tra hiệu chỉnh trợ lực lái	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
19	Hệ thống treo độc lập	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
20	Hệ thống treo phụ thuộc	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
21	Cơ cấu phanh tay	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
22	Các bộ phận tháo rời của bộ trợ lực phanh	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
23	Thiết bị xả khí hệ thống phanh dầu	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
24	Thiết bị lág, sửa chữa phanh đĩa trên xe	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
25	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
26	Bộ thử phanh	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
27	Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
28	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	06	12	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
29	Thiết bị đo áp suất dầu hộp số tự động	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
30	Thiết bị xả dầu hộp số tự động	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
31	Thiết bị bơm dầu hộp số tự động	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
32	Biển mô thủy lực	Bộ	06	10	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
33	Bộ moay ơ	Bộ	06	10	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
34	Máy chẩn đoán	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
35	Máy mài bàn ép ly hợp	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
36	Máy rửa áp lực cao	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
37	Máy mài cầm tay	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
38	Máy khoan cầm tay	Máy	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
39	Máy tán đinh Ri V	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
40	Máy khoan bàn	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
41	Máy ép tuy ô thủy lực	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
42	Cầu nâng 2 trụ	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
43	Thiết bị rửa chi tiết	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
44	Hệ thống khí nén	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Máy nén khí	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
45	Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt	Bộ	04	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Súng xịt khí	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
46	Cầu nâng cắt kéo	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
47	Băng chạy rà hộp số	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
48	Vỏ xe ô tô	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
49	Bộ khung xe	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
50	Máy hàn khí	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Đồng hồ axetylen	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Bình axetylen	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Đồng hồ ô xy	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Chai ô xy	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Dây dẫn khí đôi	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Mỏ hàn	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Máy lửa chuyên dùng	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
51	Phòng sơn	Phòng	01	01	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
52	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
53	Bộ dụng cụ đo	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Căn lá	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/10	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/20	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/50	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Thước cặp điện tử	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài Loại (0÷25)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài Loại (25÷50)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài Loại (50÷75)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài Loại (75÷100)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Pan me đo trong	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Dưỡng ren	Chiếc	02	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Compa đo trong	Chiếc	02	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Compa đo ngoài	Chiếc	02	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Đồng hồ so đo lỗ	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Đồng hồ so đo trục	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024
	Thước kiểm phẳng	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gồm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
54	Súng vận bu lông	Chiếc	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
55	Bàn thực hành tháo, lắp	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
56	Đèn Pin	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
57	Mỡ kê ô tô	Chiếc	04	12	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
58	Vam chuyên dùng	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
59	Khay đựng chi tiết	Chiếc	18	20	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
60	Dụng cụ bơm dầu hộp số, dầu cầu	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
61	Dụng cụ bơm mỡ bằng tay	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
62	Dụng cụ bơm mỡ bằng khí nén	Chiếc	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
63	Vam moay ơ đầu trục bánh xe	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
64	Vam ép Pít tông phanh	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
65	Bộ cờ lê chuyên dụng	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
66	Bộ kim chuyên dùng cho tháo, lắp phanh	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Kim tháo, lắp lò xo má phanh	Chiếc	01	07	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
	Kim kẹp ống ty ô	Chiếc	01	07	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
67	Bộ vam tháo vô lăng	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
68	Vam rô tuyen	Chiếc	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
69	Dụng cụ kiểm tra độ rơ vô lăng lái	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
70	Vam chuyên dùng	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
71	Vam moay ơ đầu trục bánh xe	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
72	Vam tháo lò xo giảm xóc	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
73	Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
74	Búa và đe tay chuyên dụng cho thợ gò	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
75	Dụng cụ kiểm tra khớp 1 chiều	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
76	Súng phun sơn	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
77	Giá đỡ hộp số	Bộ	03	06	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
78	Dụng cụ đo áp suất dầu hộp số tự động	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
79	Giá đỡ hộp số, cầu xe	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê thực hành gầm ô tô năm 2024
3.4. Phòng thực hành điện ô tô					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
3	Xe ô tô (số tự động)	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
4	Sa bàn hệ thống điện	Bộ	01	03	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
5	Sa bàn hệ thống smartkey	Bộ	01	04	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
6	Hệ thống điều hòa thông thường	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
7	Mô hình hệ thống điện thân xe	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
8	Máy phát điện	Chiếc	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
9	Băng thử máy phát, máy đề tích hợp	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
10	Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
11	Máy khởi động	Chiếc	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
12	Hệ thống đánh lửa bằng điện tử không tiếp điểm	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
13	Các bộ phận tháo rời của hệ thống đánh lửa điện tử và bán dẫn	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
14	Dụng cụ kiểm tra và làm sạch bu gi	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
15	Thiết bị đo góc đánh lửa sớm của động cơ xăng và góc phun sớm của động cơ diesel tích hợp	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
16	Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
17	Hệ thống âm thanh	Bộ	06	07	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
18	Thiết bị kiểm tra đèn pha	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
19	Hệ thống điều hòa tự động	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
20	Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà	Bộ	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
21	Máy nén điều hoà	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
22	Máy nạp ga	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
23	Máy ép tuy ô thủy lực	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
24	Công tắc gạt mưa, bơm nước rửa kính	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
25	Công tắc nâng hạ kính	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
26	Mô tơ bơm nước rửa kính	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
27	Mô tơ gạt mưa	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
28	Mô tơ nâng hạ kính	Chiếc	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
29	Hệ thống khí nén	Bộ	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Máy nén khí	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt	Bộ	04	04	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Súng xịt khí	Chiếc	01	04	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
30	Ắc quy	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
31	Máy chẩn đoán	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
32	Máy sạc ắc quy có trợ đề	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
33	Thiết bị rửa chi tiết	Chiếc	01	02	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
34	Cầu nâng 2 trụ	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
35	Khay đựng chi tiết	Chiếc	18	20	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
36	Dụng cụ tháo lắp	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
37	Tỷ trọng kế	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
38	Kim bấm đầu cốt	Chiếc	18	25	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
39	Kim tuốt dây điện	Chiếc	18	25	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
40	Dụng cụ kiểm tra ắc quy	Chiếc	03	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
41	Bàn thực hành tháo, lắp	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
42	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	03	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
43	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	06	20	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
44	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí	Bộ	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Căn lá	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/10	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/20	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước cặp 1/50	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước cặp điện tử	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
	Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (50÷75)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Pan me đo ngoài loại (75÷100)mm	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Pan me đo trong	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Đồng hồ so đo trong	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Đồng hồ so đo ngoài	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước dây	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
	Thước lá	Chiếc	01	05	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
45	Má kê ô tô	Chiếc	04	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
46	Vam chuyên dùng: - Vam 2 chấu - Vam 3 chấu - Vam giật	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
47	Máy hàn xung	Chiếc	06	12	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
48	Ê tô	Chiếc	18	19	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
49	Dụng cụ cắt ống và loe đầu ống	Bộ	18	19	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
50	Vam ép cút nối	Bộ	18	25	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
51	Dụng cụ uốn ống điều hoà	Bộ	06	15	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
52	Thiết bị kiểm tra rò gas	Chiếc	03	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
53	Bộ dụng cụ chuyên dùng bảo dưỡng điều hòa	Bộ	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
54	Dụng cụ khò	Bộ	06	10	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
55	Giá đỡ cửa xe	Chiếc	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
56	Giá đỡ kính chắn gió	Chiếc	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
57	Bộ đồ nghề tháo, lắp kính chắn gió	Bộ	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
58	Bộ dụng cụ ép kính lái	Bộ	06	08	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
59	Đèn Pin	Chiếc	18	18	Biên bản kiểm kê xưởng điện ô tô năm 2024
3.5. Phòng học kỹ thuật chuẩn đoán và kiểm định					
1	Máy vi tính	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
3	Cầu nâng hai trụ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
4	Cầu nâng 4 trụ có kích phụ	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
5	Bộ súng vắn ốc	Bộ	03	04	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
6	Hệ thống khí nén	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
	Máy nén khí	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
	Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt	Bộ	04	06	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
	Súng xịt khí	Chiếc	01	06	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
7	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	06	06	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
8	Máy nạp ắc quy có trợ đề	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
9	Máy kiểm tra ắc quy	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
10	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
11	Thiết bị đo góc đánh lửa sớm của động cơ xăng và góc phun sớm của động cơ diesel tích hợp	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
12	Máy chẩn đoán	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
13	Thiết bị phân tích khí xả động cơ xăng	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
14	Thiết bị phân tích khí xả động cơ Diesel	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
15	Tai nghe tiếng gõ động cơ	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
16	Thiết bị đo áp suất nén động cơ xăng	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
17	Thiết bị đo áp suất buồng đốt động cơ diesel	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
18	Thiết bị soi quan sát bên trong động cơ	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
19	Đồng hồ đo áp suất dầu bôi trơn	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
20	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
21	Thiết bị đo áp suất dầu trợ lực lái	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
22	Thiết bị xả khí hệ thống phanh dầu	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
23	Bệ thử phanh	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
24	Thiết bị kiểm tra chất lượng dầu phanh	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
25	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
26	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
27	Xe ô tô tải	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
28	Xe ô tô tải	Chiếc	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
29	Thiết bị kiểm tra độ ồn	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
30	Thiết bị đo tiêu hao nhiên liệu	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
31	Thiết bị kiểm tra đèn pha	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
32	Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều	Chiếc	02	02	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
33	Thiết bị rửa chi tiết	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
34	Thiết bị đo áp suất nén động cơ xăng	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
35	Thiết bị đo áp suất nén động cơ Diesel	Bộ	01	01	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
36	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
37	Kích cá sấu	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
38	Kích con đội thủy lực	Chiếc	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
39	Mề kê ô tô	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
40	Bộ súng vận ốc	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
41	Clê lục	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
42	Thước kẹp hiển thị số	Bộ	03	03	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
43	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	09	09	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024
44	Khay đựng chi tiết	Bộ	12	12	Biên bản kiểm kê xưởng chuẩn đoán năm 2024

2. Đội ngũ nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo: 11 người (tương đương 10 nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 09 người.

- Nhà giáo thỉnh giảng: 02 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 405 giờ/năm, tương đương 01 nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: giờ/năm, tương đương 00 nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 12 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Thị Phương Chi	ThS. Lịch sử đảng CSVN	Cử nhân sư phạm	ThS. Lịch sử đảng CSVN	MH01: Giáo dục chính trị

2	Bùi Công Minh Đức	CN. Luật	CCSP dạy trình độ ĐH, CĐ	CN. Luật	MH02: Pháp luật
3	Nguyễn Thị Nhi	ĐH Giáo dục thể chất	CCSP dạy trình độ CĐ, TC	ĐH Giáo dục thể chất	MH03: Giáo dục thể chất
4	Nguyễn Tấn Quốc Khánh	KS. Công nghệ thông tin	CCSP dạy trình độ ĐH, CĐ	KS. Công nghệ thông tin	MH05: Tin học
5	Lâm Phước Lộc	CN. Ngôn ngữ Anh	CCSP dạy trình độ ĐH, CĐ	CN. Ngôn ngữ Anh	MH06: Tiếng Anh
6	Nguyễn Ngọc Quang Duy	Kỹ sư công nghệ ô tô	Nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ CĐ	KS. Công nghệ ô tô	- MH07: Kỹ năng mềm - MĐ 08: Điện tử cơ bản - MĐ 09: Vẽ kỹ thuật - MĐ 13: Hàn cơ bản - MĐ14: Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa - MĐ15: Kỹ thuật đồng sơn xe ô tô - MĐ16: Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - Thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ - MĐ 31: Thực tập tốt nghiệp

7	Trương Vũ Hoàng Anh	Kỹ sư công nghệ ô tô	Nghiệp vụ sư phạm trình độ cao đẳng trung cấp	KS.Công nghệ ô tô	- MĐ 10: Đo lường kỹ thuật - MH 11: An toàn lao động - MĐ 17: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí - MĐ 18: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát - MĐ 19: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí - MĐ 20: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel
8	Phạm Thanh Ngây	Kỹ sư công nghệ ô tô	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học.	KS.Công nghệ ô tô	- MĐ 12 Nguội và sử dụng thiết bị cầm tay - MĐ 21: Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô - MĐ 22: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực - MĐ 23: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển- - MĐ 24: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái - MĐ 30: Xe hybrid và xe Ô tô điện
9	Huỳnh Thanh Hoài	Kỹ sư công nghệ ô tô	Nghiệp vụ sư phạm trình độ cao đẳng trung cấp	KS.Công nghệ ô tô	- MĐ 25: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh - MĐ 26: Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô - MĐ 27: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô - MĐ 28: Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử - MĐ 29: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Trịnh Văn Cảnh	KS. Cơ khí động lực	Sư phạm bậc 2	KS. Cơ khí động lực	- MĐ 13: Hàn cơ bản - MĐ14: Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa - MĐ15: Kỹ thuật đồng sơn xe ô tô - MĐ16: Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - Thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ - MĐ 17: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	195 giờ
2	Lê Phước Thắng	KS. Công nghệ Kỹ thuật ô tô	CCSP dạy trình độ ĐH, CĐ	KS. Công nghệ Kỹ thuật ô tô	- MĐ 18: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát - MĐ 19: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí - MĐ 21: Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô - MĐ 22: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực - MĐ 24: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái - MĐ 25: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	210 giờ

Đối với môn Giáo dục Quốc phòng – An ninh: Nhà trường hợp đồng với Trường Sĩ quan Công binh để giảng dạy cho học sinh, sinh viên.

3. Chương trình đào tạo

a) Tên chương trình đào tạo: Công nghệ Ô tô, trình độ Trung cấp

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo số: 406/QĐ-TCĐNVS, ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore.

c) Đối tượng tuyển sinh: THCS trở lên

d) Thời gian đào tạo: 2 năm.

f) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Bằng tốt nghiệp trung cấp

e) Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Các môn học, mô đun	Số	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
		tín chỉ (*)				
I	Các môn học chung	11	255	84	157	14
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	20	65	5
II	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	71,5	1620	522	1036	62
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	10	195	102	81	12
MH 07	Kỹ năng mềm	1,5	30	15	13	2
MĐ 08	Điện tử cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	27	3
MĐ 10	Đo lường kỹ thuật	1,5	30	15	13	2
MH 11	An toàn lao động	2	30	27	0	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên nghề	61,5	1425	420	955	50
MĐ 12	Nguội và sử dụng thiết bị cầm tay	2	45	15	28	2

MĐ 13	Hàn cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 14	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	60	30	27	3
MĐ 15	Kỹ thuật đồng sơn xe ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - Thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	2	45	15	28	2
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	45	15	28	2
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	28	2
MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	60	30	27	3
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	3	60	30	27	3
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	60	30	27	3
MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	60	30	27	3
MĐ 26	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	3	60	30	27	3
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2,5	60	15	42	3

MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử	2	45	15	28	2
MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	4	90	30	56	4
MĐ 30	Xe hybrid và xe Ô tô điện	3	60	30	27	3
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	12	360	0	360	0
TỔNG CỘNG		82,5	1875	606	1193	76
TỈ LỆ			100%	32,32%	63,63%	4,05%

4. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

STT	Tên MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
1	Chính trị	Chính trị	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
2	Pháp luật	Pháp luật	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
3	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
5	Tin học	Tin học	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
6	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019
7	Tiếng anh nâng cao	Tiếng anh nâng cao	Khoa Tin học – Đại cương	Trường CDN Việt Nam Singapore	2019

STT	Tên MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
8	Kỹ năng mềm	Kỹ năng mềm	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
9	An toàn lao động	An toàn lao động	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
10	Vẽ kỹ thuật	Vẽ kỹ thuật	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
11	Đo lường kỹ thuật	Đo lường kỹ thuật	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
12	Autocad	Autocad	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
13	Điện tử cơ bản	Điện tử cơ bản	Khoa điện – Điện tử	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
14	Trí Tuệ Nhân Tạo	Trí Tuệ Nhân Tạo	Khoa điện – Điện tử	Trường CDN Việt Nam Singapore	2025
15	Nguội và sử dụng thiết bị cầm tay	Nguội và sử dụng thiết bị cầm tay	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2025
16	Hàn cơ bản	Hàn cơ bản	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
17	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2025
18	Kỹ thuật đồng sơn ô tô	Kỹ thuật đồng sơn ô tô	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam	2025

STT	Tên MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
				Singapore	
19	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
24	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam	2023

ANH
ÔNG
NG NG
NAM
APOR
★

STT	Tên MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
	thống truyền lực	thống truyền lực		Singapore	
26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều khiển bằng khí nén	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều khiển bằng khí nén	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
31	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
32	Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử	Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023
33	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2023

STT	Tên MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
34	Xe hybrid và xe ô tô điện	Xe hybrid và xe ô tô điện	Khoa cơ khí	Trường CDN Việt Nam Singapore	2025

TRƯỞNG KHOA

Chen
Trần Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phan
Trần Hùng Phong

